

Phẩm 24: THẬP NHÃN

A. Trong giải thích tên gọi: Thập là số tròn vẹn vô tận, Nhãn là trí soi chiếu quán sát thông suốt, cũng là Đối số thích.

B. Ý đưa ra, có hai: Xa thì giải đáp câu hỏi về Thập Định ở pháp đường Phổ Quang trước đây, cho nên đưa ra. Dùng Nhãn để tiếp nhận chân lý, tình thức an ổn không lay động mà gọi tên. Gần thì hiển bày về chỗ dựa của Thập Minh, cho nên tiếp tục đưa ra.

C. Tông thú: Trước là Tông, sau là Thú. Tông có năm môn:

Một: Thể tánh: Nhãn này lấy Trí làm Tánh. Nếu Tiểu thừa thì Nhãn yếu kém thuộc về nhân, Trí thù thắng thuộc về quả. Đại thừa không hai, nhưng Nhãn tiếp nhận xem xét thấu suốt dựa theo Dụng mà phân biệt.

Hai: Chương đã đoạn trừ: Trong này dựa vào Vô minh chấp trước vi tế-chương ngại vi tế đang đoạn trừ.

Ba: Xác định phần vị: Nếu là Tiệm giáo thì hành của mười Nhãn này bao gồm các phần vị, dựa vào phần vị Đẳng giác ngay sau Thập địa. Nếu là Viên giáo thì bao gồm tất cả năm phần vị, dựa vào đây nói.

Bốn: Chủng loại: Hoặc là một, đó là Nhãn thuộc Vô sinh. Hoặc là hai, đó là Nhãn thuộc hai Vô ngã. Hoặc là ba, đó là Nhãn thuộc ba Vô tánh, trích từ luận Phật Tánh; hoặc là ba, đó là Tín nhãn-Thuận nhãn và Vô sinh nhãn, trích từ luận Địa Trì. Hoặc là bốn, đó là bốn loại Vô sinh, như trong Địa Luận quyển thứ tám. Hoặc là năm, đó là Địa tiền gọi là Phục nhãn, Địa thứ nhất-thứ hai-thứ ba gọi là Tín nhãn, Địa thứ tư-thứ năm-thứ sáu gọi là Thuận nhãn, Địa thứ bảy-thứ tám-thứ chín gọi là Vô sinh nhãn, Địa thứ mười và Phật Địa gọi là Tịch diệt nhãn; đây là dựa vào kinh Nhân Vương. Hoặc là sáu Nhãn, đó là Tín nhãn-Pháp nhãn-Tu nhãn-Chánh nhãn-Vô cấu nhãn và Nhất-thiết-trí nhãn. Giải thích rằng: Ba Nhãn trước như thứ tự là ba Hiền thuộc về Địa tiền, ba Nhãn sau như thứ tự là Thập Địa-Đẳng Giác và Diệu Giác có thể biết; đây là dựa vào kinh Anh Lạc. Hoặc là tám loại như Khổ nhãn... không phải ở đây phân rõ. Hoặc là mười, cũng như trong Địa Kinh quyển thứ 8; lại là mười, như trong văn này. Hoặc là mười bốn, dựa vào kinh Nhân Vương, trong năm Nhãn thì bốn Nhãn trước đều phân ra ba, đó là Thượng-Trung và Hạ, một Nhãn sau chỉ phân ra hai, đó là nhân và quả.

Năm: Riêng biệt giải thích về Thập Nhãn, trong đó ba Nhãn đầu là dựa theo Pháp, bảy Nhãn sau dựa vào Dụng.

Trong Pháp: Đầu là một Nhãn dựa theo phần vị Tư lương, tiếp là

một Nhẫn dựa theo phần vị Gia hạnh, sau là một Nhẫn dựa theo phần vị Chánh chứng, dựa vào tướng như vậy. Nếu bao gồm thì ở khắp mười Địa, có thể biết.

Thứ là nhờ vào học theo hạnh thuộc Thập Nhẫn như vậy, cho nên đạt được nhân tròn vẹn quả đầy đủ, cho nên vẫn nói là có thể đạt được tất cả...

D. Trong giải thích văn có hai: Trường hàng và trùng tụng.

Trong trường hàng có ba: Một: Nêu ra số lượng ca ngợi về thù thắng; Hai: Nêu ra tên gọi hiển bày về quan trọng; Ba: Giải thích kết luận về ca ngợi.

Trong phần một có hai: 1) Tổng quát bày tỏ nêu ra số lượng; 2) Trong phần ca ngợi về thù thắng có thể đạt được Nhẫn vô ngại là hiển bày về nhân đầy đủ thuộc Tự phần, từ “Hựu đắc...” trở xuống là trình bày về quả tròn vẹn thuộc Thắng tiến, nhờ vào Thập Nhẫn này mà đạt được nhân quả này.

Trong phần hai là nêu ra tên gọi hiển bày về quan trọng, cũng có hai: Trước là nêu ra tên gọi, sau là hiển bày về quan trọng.

Trong phần trước: 1) Âm thanh là Giáo, tùy thuận là Hạnh, nghĩa là đối với giáo Vô sinh đã thuyết giảng, tín thuận nhẫn thọ cảnh hành làm tên gọi. 2) Thuận theo quán sát chân lý, mà chưa khế hợp với Chân cho nên gọi là Thuận nhẫn, từ Thể của hành lập thành tên gọi. 3) Thuận theo quán sát đã chứng đến cuối cùng khế hợp với chân lý gọi là Vô sinh nhẫn, Vô sinh là Lý, từ cảnh làm tên gọi; lại cũng Vô sinh là Hạnh, ngay nơi tướng làm tên gọi.

Trong phần sau là bày dụ, Quang Thống nói: “Bốn dụ trước là dụ cho Âm thanh nhẫn, hai dụ về ánh chớp và hóa hiện là dụ cho Thuận nhẫn, một Dụ về hư không là dụ cho Vô sinh nhẫn.” Lại nói: “Huyễn ảo là khởi mà không có tướng của khởi, ngọn lửa là cảnh mà không có tướng của cảnh, giấc mộng là nhận biết mà không có tướng của nhận biết, tiếng vang là nghe mà không có tướng của nghe, ánh chớp là trú mà không có tướng của trú, hóa hiện là có mà không có tướng của có, hư không là làm mà không có tướng của làm.”

Lại người xưa nói: “Quán về Thức như huyễn ảo, quán về Tưởng như hơi nóng, quán về Thọ như giấc mộng, quán về Thanh như tiếng vang, quán về Hành như ánh chớp, quán về Sắc như hóa hiện, quán tổng quát về tất cả Uẩn-Giới-Xứ đều suy cho cùng là trống rỗng, cho nên như hư không.”

Lại Viễn Công dựa theo nhận biết về pháp hai Đế, nói là: “Nhận

biết về Tục như huyền ảo không phải thật, nhận biết về Tục như hơi nóng phát sinh ngược lại, nhận biết về Tục như giấc mộng từ tâm đầy khởi, nhận biết về Thanh trần như tiếng vang không thật, nhận biết về Tục như ánh chớp có trong chốc lát, nhận biết về biến dịch như hóa hiện không có Thể, nhận biết về Chân như hư không lìa xa tướng.”

Lại sáu dụ trước về Hữu vi Không, một dụ sau về Vô vi Không, như chín dụ trong Kim Cang Bát Nhã, đều là dụ về Hữu vi.

Lại dựa theo tám dụ trong Nhiếp Luận, hiển bày về Y tha, đều vì giải thích nghi ngờ.

Nhiếp Luận quyển thứ năm nói: “Vì sao như kinh nói, đối với tự tánh Y tha khởi mà nói về các dụ như huyền ảo... là hỏi về tổng quát. Bởi vì loại trừ nghi ngờ hư vọng của người khác đối với tự tánh Y tha khởi, là giải đáp. Người khác lại nói vì sao có nghi ngờ hư vọng đối với tự tánh Y tha khởi, là hỏi về riêng biệt. Bởi vì người khác đối với điều này có nghi ngờ như vậy. Vì sao thật sự không có nghĩa mà trở thành cảnh giới của hành? Bởi vì loại trừ nghi ngờ này mà nói dụ về sự huyền ảo.”

Vô Tánh Giải thích rằng: “Nghi ngờ hư vọng, là đối với nghĩa hư vọng mà khởi lên những nghi ngờ.”

Vì sao không có nghĩa mà lúc Biến kế suy nghĩ thì hiển hiện rõ ràng tựa như cảnh đã hành? Bởi vì ngăn chặn nghi ngờ này mà nói dụ về sự huyền ảo, như không có con voi thật sự mà có con voi huyền ảo, cảnh giới đã duyên của tánh Y tha khởi cũng lại như vậy, tuy không có sáu Xứ đã duyên như Sắc... mà lúc Biến kế suy nghĩ thì tựa như có sáu Xứ đã duyên hiển hiện rõ ràng.

Vì sao không có nghĩa mà chuyển tâm-tâm pháp? Giải thích rằng: Đây là ý nghi ngờ về pháp huyền ảo không sinh ra mà thấy là thật; pháp thế gian thì không như vậy, cho nên không phải không có.

Luận nói: Bởi vì loại trừ nghi ngờ này mà nói dụ về hơi nóng mặt trời để giải thích.

Luận nói: Lại như hơi nóng của mặt trời vào lúc lay động, thật sự không có nước mà sinh ra ảo giác có nước. Giải thích rằng: Có thể bởi vì sinh ra ảo giác có nước, tức là thật sự có nước; Khí thế gian lại cũng như vậy.

Luận nói: Sao không có nghĩa mà có sai biệt về thọ dụng yêu thích và không yêu thích? Giải thích rằng: Nước từ hơi nóng không có thọ dụng để giải trừ cơn khát; pháp thế gian thì không như vậy, mà vốn là thật sự có.

Luận nói: Bởi vì loại trừ nghi ngờ này mà nói dụ về giấc mộng để giải thích.

Luận nói: Lại như trong giấc mộng, ngủ say mà khởi lên tụ tâm-tâm pháp, cuối cùng trở thành mê muội, tuy không có nghĩa về các loại cảnh như người nữ..., mà có thọ dụng cảnh giới yêu thích và không yêu thích, lúc tỉnh giấc cũng như vậy. Giải thích rằng: Có thể bởi vì trong giấc mộng có thấy thọ dụng thuận-nghịch như người nữ..., tức là thật sự có.

Lại nghi ngờ rằng: Thọ dụng trong giấc mộng, ở trong giấc mộng thì có, tỉnh giấc rồi thì không có; pháp thế gian thì không như vậy, phàm-Thánh đều thấy? Giải thích rằng: Như tiếng vang thì già trẻ đều nghe, có thể tức là có.

Luận nói: Sao không có nghĩa mà chuyển các loại ngôn thuyết hý luận? Bởi vì loại trừ nghi ngờ này mà nói dụ về tiếng vang trong hang trống để giải thích.

Luận nói: Lại như tiếng vang trong hang trống thật sự không có âm thanh, mà khiến cho người nghe tựa như nghe ở cảnh giới của nhiều loại ngôn thuyết; ngữ nghiệp đủ loại ngôn thuyết cũng như vậy.

Lại nghi ngờ rằng: Tiếng vang là Thanh chứ không phải Sắc; pháp thế gian thì không như vậy, Sắc cũng có đủ, vì sao không phải là có? Giải thích rằng: Như ánh chớp cũng là Sắc, lẽ nào là thật sự có hay sao? Luận không có thí dụ này.

Lại nghi ngờ rằng: Sắc của ánh chớp nhanh chóng diệt đi; pháp thế gian trải qua lâu dài, lẽ nào giống như ánh chớp hay sao? Giải thích rằng: Như hóa hiện cũng trải qua lâu dài, lẽ nào là thật sự có hay sao?

Lại nghi ngờ rằng: Phàm phu ngu si điên đảo vọng thấy cho là có, Bồ-tát không có trái ngược không thấy có điều ấy, làm sao cũng có đầu nhiếp giáo hóa chúng sinh? Giải thích rằng: Như hóa hiện đã làm ra cho nên không phải là thật sự có.

Luận nói: Sao không có nghĩa mà có các Bồ-tát có tâm không điên đảo? Bởi vì phân rõ các việc làm lợi ích yên vui cho hữu tình, cho nên suy nghĩa mà thọ sinh. Bởi vì loại trừ nghi ngờ này mà nói dụ về biến hóa để giải thích.

Luận nói: Lại như biến hóa, tuy không có thật sự mà có thể hóa hiện không có gì điên đảo, đối với sự việc đã hóa hiện thường xuyên làm ra công dụng; Bồ-tát cũng như vậy, như luận nên biết.

Lại nghi ngờ rằng: Đã làm ra như hóa hiện có thể không có thật sự, có thể làm ra hóa hiện là chỗ dựa của hóa hiện, lẽ ra là thật sự có?

Giải thích rằng: Như hư không làm chỗ dựa cho Sắc, lẽ nào là thật sự có hay sao? Vì vậy các pháp suy cho cùng là tánh trống rỗng.

Từ “Phật tử thị vi...” trở xuống là kết luận về quan trọng, bởi vì chư Phật ba đời cùng thuyết giảng về điều này, là hiển bày về sự quan trọng thù thắng ấy.

Phần ba từ “Hà đẳng...” trở xuống là riêng biệt giải thích về nghĩa của mười Nhãn, mỗi một Nhãn đều có ba, đó là nhắc lại để phát khởi, giải thích về nghĩa, kết luận về tên gọi.

Thứ nhất: Âm thanh Nhãn. Trong giải thích có mười câu: 1) Câu đầu là tổng quát nêu ra pháp đã nghe, đó là lý về ba Vô tánh, gọi là pháp chân thật. Chín câu sau là hiển bày về có thể nghe tiến vào pháp: 2) Nghe về Vô tướng chân thật mà không kinh sợ, bởi vì hiểu rõ Biến kế vốn không hề có. 3) Nghe về Vô sinh mà không sợ hãi, bởi vì hiểu rõ Y tha chắc chắn Vô sinh. 4) Nghe về Vô tánh mà không sợ hãi, bởi vì hiểu rõ tánh của Chân Như là Vô tánh. Lại giải thích: Đối với pháp Chân Không, lúc nghe mà không kinh ngạc, lúc suy nghĩ mà không sợ, lúc tu mà không sợ. Lại nghe về Hữu vốn không có gì mà không kinh ngạc, nghe về Không vốn không có gì mà không sợ, nghe về hai pháp này vốn không có gì mà không sợ, đều giải thích như các bản luận Bát Nhã. 5) Tín giải là bắt đầu của Văn tuệ, trước là Tín-sau là Giải. 6) Thọ trì là cuối cùng của Văn tuệ, trước là Thọ-sau là Trì. 7) Ái lạc là bắt đầu của Tư tuệ, nghĩa là yêu quý pháp-vui với quán. 8) Thuận theo tiến vào là cuối cùng của Tư tuệ, nghĩa là suy nghĩ chọn lựa đạt được ý vị, cho nên nói là thuận theo tiến vào. 9) Tu tập là bắt đầu của Tu tuệ, nghĩa là thành tựu tu tập đối với duyên. 10) An trú là cuối cùng của Tu tuệ, nghĩa là thành lập công hạnh tu tập. Giải thích đầy đủ như Bồ-tát Địa trong luận Du Già.

Thứ hai: Thuận Nhãn. Trong giải thích có bốn cặp-tám câu: 1) Bắt đầu tu Chỉ Quán, nghĩa là thực hành về Chỉ thuận với vắng lặng, thực hành về Quán soi chiếu các pháp. 2) Chỉ và Quán theo thứ tự, nghĩa là chánh niệm bình đẳng thì thực hành kiên cố về Chỉ, không trái với các pháp thì thực hành về Quán soi chiếu tùy duyên. 3) Chỉ và Quán thuận thực, nghĩa là tùy thuận tiến sâu vào cùng thực hành sâu xa huyền diệu về Chỉ, tâm thanh tịnh thẳng thắn cùng thực hành sâu xa huyền diệu về Quán. 4) Chỉ và Quán cùng thực hành, nghĩa là Quán ngay nơi Chỉ gọi là Quán bình đẳng, Chỉ ngay nơi Quán gọi là tiến sâu vào đầy đủ. Luận Khởi Tín nói: “Đi-đứng-ngồi-nằm đều thuận theo Chỉ và Quán cùng thực hành, đó gọi là tuy nghĩ đến tự tánh của các pháp

không sinh, mà lại vẫn nghĩ đến nhân duyên hòa hợp không mất đi không làm hỏng Báo khổ-vui... thuộc nghiệp của thiện-ác; tuy nghĩ đến nhân duyên-thiện ác-nghiệp báo, mà cũng vẫn nghĩ đến tánh không thể đạt được.” Giải thích rằng: Dựa theo pháp thì Lý và Sự đã hòa hợp với nhau, dựa theo hành thì Chỉ và Quán cùng vận dụng, như vậy mới là Nhẫn thuận theo pháp.

Thứ ba: Vô sinh Nhẫn. Trong giải thích: Trước là nêu ra; sau từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích.

Trong phần trước: Không thấy pháp sinh, tất nhiên không cần phải diệt, vốn là sự duyên khởi, cũng không thấy diệt. Lại lý Vô sinh này không phải là đoạn diệt không có, cho nên nói là không diệt. Lại đã vốn không sinh cho nên không có gì đáng diệt.

Trong phần sau là giải thích: Trước là nêu ra có hai ý: Một, Đã nêu ra Vô sinh, vì sao cũng nói là Vô diệt? Hai, Đã nói Vô sinh, là chỉ vắng lặng Vô sinh, hay là cũng có quả thuộc phần vị-hạnh nguyện...? Sau là trong giải thích có mười câu:

1) Một câu đầu là giải thích về ý thứ nhất, có thể biết.

Hỏi: Nếu như vậy thì cũng có thể gọi là Vô diệt Nhẫn hay không?

Đáp: Lý cũng có thể thích hợp, nhưng Vô sinh thì chắc chắn kèm theo Vô diệt, Vô diệt chắc chắn tùy theo Vô sinh, vì vậy phần nhiều nêu ra tên gọi đầu tiên.

Trong kinh Tín Lực Nhập Ấn nói: “Bồ-tát có năm loại pháp, tức là có thể thanh tịnh của Hoan Hỷ Địa thứ nhất. Những gì là năm? Một là Bồ-tát có thể trú vào Vô sinh Nhẫn, cũng khiến cho người khác trú vào. Lại nói Vô sinh Nhẫn, là bởi vì tịch diệt. Hai là Bồ-tát có thể trú vào Vô diệt Nhẫn, cũng khiến cho người khác trú vào. Lại nói Vô diệt Nhẫn, là bởi vì chứng pháp Vô sinh.” Giải thích rằng: Vì vậy nên biết, cũng có thể gọi là Vô diệt Nhẫn.

2) Từ “Nhược bất diệt...” trở xuống là giải thích về ý thứ hai, đó là do không sinh cho nên không diệt, do không sinh-không diệt này cho nên vô tận, vì vậy vô tận này cũng ở trong không sinh, cho đến trang nghiêm cũng đều như vậy, đều ở nơi một niệm Vô sinh. Vô tận có hai nghĩa: a) Lý không có giới hạn tận cùng; b) Hạnh không có gián đoạn tận cùng.

3) Là xa cấu nhiễm cũng có hai nghĩa: a) Tiến vào Lý mà không kèm theo vắng lặng; b) Tùy theo Sự mà luôn luôn vô niệm.

4) Không hủy hoại cũng có hai nghĩa, đó là tiến vào Lý mà không

hủy hoại Sự, tùy theo Sự mà không hủy hoại Lý.

5) Không lay động cũng có hai nghĩa, đó là cùng dung hòa hai Đế, một niệm không lay động.

6) Tịch diệt địa cũng có hai, bởi vì bao gồm cảnh giới và hiện hành(cảnh hành).

7) Lìa xa dục cũng có hai, bởi vì lìa xa chủng tử và hiện hành (chủng hiện).

8) Vô hành cũng có hai, bởi vì đoạn trừ chủ động và thụ động(năng sở).

9) Đại nguyện cũng có hai, nghĩa là nguyện không chìm trong vắng lặng, nguyện có thể ứng với căn cơ.

10) Trú trang nghiêm cũng có hai, nghĩa là Lý và Hạnh trang nghiêm lẫn nhau mới là cứu cánh.

Thứ tư: Như huyền Nhãn. Trong giải thích đưa ra sáu môn:

1) Tổng quát trình bày về những thí dụ. Nhiếp Luận nói về huyền ảo dụ cho sáu Xứ đã duyên vào, phẩm Ly Thế Gian sau này dụ cho Thức uẩn, kinh Mật Nghiêm dụ cho Thức thứ tám, luận Bát Nhã dụ cho Khí thể gian bên ngoài, kinh này tổng quát dụ cho y-chánh nhiễm tịnh... của thế gian-xuất thế gian, trong kinh Lăng Già dụ cho tất cả các pháp, luận Chưởng Trần chỉ dụ cho pháp hữu vi, trong Đại Phẩm nói: “Thậm chí một pháp nào vượt qua Niết-bàn, thì Ta cũng nói rằng như huyền-như mộng.” Vì vậy biết văn bao gồm hữu vi và vô vi.

Hỏi: Niết-bàn vô vi sao có thể như huyền?

Đáp: Ý ở đoạn tuyệt cái thấy cho nên cũng như huyền, nghĩa là có-không có... vốn là thấy mà không phải thấy huyền ảo, nếu thấy là huyền ảo thì cũng không phải thấy huyền ảo, thấy huyền ảo nếu đoạn tuyệt thì mới là thấy huyền ảo, hướng hồ có cái thấy khác? Vì vậy huyền ảo của không phải huyền ảo mới là pháp huyền ảo, cái thấy của đoạn tuyệt cái thấy mới là thấy huyền ảo, chọn lấy ý để suy nghĩ, ngôn ngữ bàn luận khó mà đạt tới.

2) Môn tách biệt về nghĩa, như một con thỏ huyền ảo có năm nghĩa: Một, Cái khăn làm chỗ dựa; Hai, Phương pháp kỹ thuật của nhà ảo thuật; Ba, Con thỏ huyền ảo đã thấy; Bốn, Con thỏ sống tức là chết; Năm, Phàm ngu Tiểu thừa cho là có. Trong đó: Một, cái khăn là dụ cho Như Lai Tạng làm chỗ dựa; hai, nhà ảo thuật và phương pháp kỹ thuật là dụ cho nhân duyên có thể khởi lên, như Vô minh...; ba, tướng của con thỏ huyền ảo là dụ cho tánh của Y tha khởi; bốn, con thỏ tồn tại thì chết là dụ cho Y tha không có tánh; năm, phàm ngu Tiểu thừa cho là có, giữ

lấy làm nhân-pháp.

Hỏi: Phương pháp kỹ thuật trở thành huyền ảo, không phải là huyền ảo, nếu như vậy thì pháp của quả là huyền ảo, nhân duyên không phải huyền ảo?

Đáp: Nhân duyên cũng là Y tha, lần lượt chuyển tiếp đều là huyền ảo.

Hỏi: Nếu như vậy thì nhà ảo thuật cũng phải là huyền ảo làm ra?

Đáp: Trong này nêu ra huyền ảo đã dấy lên để dụ cho tất cả, không phải nói là vẫn giống nhau. Nếu không như vậy thì dụ tức là pháp, sao trở thành ví dụ so sánh? Luận Thập Dụ dẫn ra kinh Nữ Đức: “Đức Phật dạy: Từ nhạc khí huyền ảo tấu lên nhạc âm huyền ảo, từ Vô minh huyền ảo sinh ra Hành huyền ảo...” Rộng ra như luận ấy nói.

3) Trong môn có-không có, có ba lớp: Một, Đối với bốn nghĩa trên đều có nghĩa về có-không có: a) Cái khăn có tánh mà không có tướng, bởi vì làm cho con thỏ ẩn kín; b) Kỹ thuật có Dụng mà không có Thể, bởi vì dựa vào cái khăn cho nên không có Thể; c) Con thỏ có tướng mà không có Thật, bởi vì thật sự không có mà hiện rõ ra; d) Sống tức là không có, chết tức là có, bởi vì vô ngại làm thành một. Hai, Bởi vì đều có bốn câu, tư duy có thể biết. Ba, Bốn phần vị trái ngược lẫn nhau, như môn đan xen với nhau dưới đây có bốn câu, cũng tư duy có thể biết.

4) Môn một-khác cũng có ba lớp:

Một: Cái khăn dựa theo phần vị của mình mà phân rõ, như cái khăn có hai nghĩa: a) Nghĩa trú vào phần vị của mình; b) Nghĩa nêu ra Thể trở thành con thỏ. Hai nghĩa này không có hai, không có không hai cho nên không phải một-khác..., bốn câu có thể biết. Ba phần vị còn lại đều có bốn câu, cũng dựa theo có thể biết.

Hai: Trái ngược nhau phân rõ như con thỏ, cũng có hai nghĩa: a) Tướng sai biệt; b) Nghĩa về Thể trống rỗng. Con thỏ và cái khăn này trái ngược nhau không phải một-không phải khác, sơ lược có mười câu:

1) Bởi vì nghĩa về làm thành con thỏ trên cái khăn cùng với nghĩa về tướng sai biệt trên con thỏ, hai nghĩa này hợp lại làm một phạm vi cho nên gọi là không khác. Đây là dùng gốc thuận theo ngọn, dựa vào ngọn trình bày về không khác. Kinh nói: “Pháp thân lưu chuyển trong năm nẻo gọi là chúng sinh...” Kinh Lăng Già nói: “Như Lai Tạng nhận chịu khổ-vui, đi cùng với nhân như sinh-như diệt...”

2) Bởi vì nghĩa về trú vào phần vị của mình trên khăn cùng với nghĩa về Thể trống rỗng trên con thỏ, hợp lại làm một phạm vi cho nên gọi là không khác. Đây là dùng ngọn đưa về gốc, dựa vào gốc trình bày

về không khác. Kinh nói: “Tất cả chúng sinh là Như, không còn trở lại diệt...”

3) Bởi vì thân nhiếp ngọn mà đưa về gốc cùng với thân nhiếp gốc mà thuận theo ngọn, hai loại này cùng dung hòa vô ngại không khác. Đây là gốc và ngọn bình đẳng cho nên gọi là không khác. Bởi vì văn hai kinh trước không tách rời nhau.

4) Bởi vì ngọn đã thân nhiếp đưa về gốc cũng cùng với gốc đã thân nhiếp thuận theo ngọn, hai nghĩa này làm mất lẫn nhau cho nên gọi là không khác. Đây là gốc và ngọn cùng phai mờ trình bày về không khác, bởi vì Chân và Vọng bình đẳng, khác nhau thì không thể đạt được.

5) Dưới đây là trình bày về không phải một, bởi vì nghĩa về trú vào phần vị của mình trên cái khăn cùng với nghĩa về tướng sai biệt trên con thỏ. Đây là hai nghĩa về gốc và ngọn trái ngược nhau-rời xa nhau cho nên gọi là không phải một. Kinh Lăng Già nói: “Như Lai Tạng không ở trong Thức A-lại-da, vì vậy bầy Thức có sinh-có diệt.” Như Lai Tạng không sinh-không diệt, là nói đến nghĩa này.

6) Bởi vì nghĩa về làm thành con thỏ trên cái khăn cùng với nghĩa về Thể trống rỗng trên con thỏ. Đây là hai nghĩa về gốc và ngọn trái ngược nhau-làm hại nhau cho nên gọi là không phải một. Kinh Thắng Man nói: “Bầy Thức không lưu chuyển, không nhận chịu khổ-vui, không phải nhân của Niết-bàn, chỉ có Như Lai Tạng nhận chịu khổ-vui...”

7) Bởi vì bắt đầu là trái ngược nhau và tiếp đến làm hại nhau, hai nghĩa này khác nhau cho nên gọi là không phải một, nghĩa là rời bỏ nhau thì đều tách rời nhau-cách xa với nhau, làm hại nhau thì đối địch với nhau-tự mình làm hại lẫn nhau, vì vậy gần-xa không phải một. Bởi vì văn kinh trước không tách rời nhau.

8) Bởi vì cuối cùng làm hại nhau đều phai mờ mà không phai mờ, bởi vì cuối cùng rời bỏ nhau đều tồn tại mà không tồn tại, nghĩa về không tồn tại-không phai mờ là không phải một. Đây là Thành-Hoại không phải một, bởi vì bầy Thức là trống rỗng mà vốn là có, Chân Như là ẩn kín mà vốn là hiển bày.

9) Bốn nghĩa về không phải một trên đây cùng với bốn nghĩa về không phải khác, mà cũng không phải một, bởi vì nghĩa không xen tạp.

10) Nhưng cũng không khác nhau, bởi vì lý bao gồm tất cả, bởi vì pháp không hai. Vì vậy, nếu dùng môn không khác nhau mà chọn lấy các môn thì cuối cùng hòa hợp với nhau, nếu dùng môn không phải một mà chọn lấy các môn thì cuối cùng làm hại lẫn nhau. Cuối cùng làm hại

lẫn nhau mà cuối cùng hòa hợp với nhau, là pháp không có gì chướng ngại.

Ba: Cái khăn và con thỏ trái ngược nhau đã như vậy, hai nghĩa còn lại và các câu đan xen với nhau, dựa theo có thể biết.

5) Môn ngay trong nhau-hòa vào nhau(Tức-Nhập), có năm môn:

Một: Lý và Sự ngay trong nhau, nghĩa là cái khăn và con thỏ vốn không hai; kinh nói: “Sắc tức là Không, Không tức là Sắc...”

Hai: Hai lý ngay trong nhau, nghĩa là đầu con thỏ tức là cái khăn, chân con thỏ cũng tức là cái khăn, hai cái khăn không sai khác cho nên gọi là ngay trong nhau; kinh nói: “Chúng sinh và Hiền Thánh tức là Như mà không sai khác.”

Ba: Dùng Lý thuận theo Sự gọi là nói Sự ngay trong nhau, như cái khăn làm đầu con thỏ không khác cái khăn làm chân con thỏ, cho nên nói đầu con thỏ tức là chân con thỏ. Kinh Vô Hành nói: “Nếu người nào muốn thành Phật thì đừng hủy hoại đối với tham dục, các pháp ngay nơi tham dục, nhận biết thì lập tức thành Phật.” Giải thích rằng: Nên nói các pháp tức là Không, vì sao lại nói là tham dục, là bởi vì tham dục tức là Không, cho nên nêu ra tên gọi của tham chọn lấy tham thật sự, ý vẫn là như vậy.

Bốn: Dùng Lý dung hòa Sự, hai Sự ngay trong nhau, như đầu con thỏ không có riêng biệt, tức là lấy cái khăn làm đầu, Thể của cái khăn vốn viên dung, toàn bộ cái đầu tức là chân. Kinh này nói: Một tức là nhiều, nhiều tức là một.. Lại văn này nói: Tiến sâu vào như huyền, ở trong một pháp hiểu rõ rất nhiều pháp... Đây là dựa theo sức mạnh dung thông của pháp tánh.

Năm: Bởi vì lực dựa vào nhau của duyên khởi khiến cho hai Sự cũng ngay trong nhau, như lực của phép thuật huyền ảo và nhà ảo thuật mà làm cho nhiều trở thành một, một trở thành nhiều... Phẩm Hiền Thủ nói: “Hoặc là hiện rõ trong chốc lát làm thành trăm năm, lực huyền ảo tự tại làm vui lòng thế gian..., bởi vì pháp huyền ảo rỗng rang không có chướng ngại, cho nên đạt được tự tại.” Như ngay trong nhau đã như vậy, hòa vào nhau cũng như vậy; như Thể khác nhau đã như vậy, Thể giống nhau cũng như vậy; như môn này đã như vậy, những môn khác cũng như vậy, đều suy nghĩ có thể biết.

6) Giải thích văn. Trong giải thích có ba: Trước là tóm lược, tiếp là mở rộng, sau là thành tựu về hành của Nhân.

Trong phần trước: Đầu là Dụ, sau là Quán, từ “Duyên khởi...” trở xuống là Pháp-Hợp. Đây là dựa vào môn hòa vào nhau để kết hợp về

duyên khởi như huyễn ảo, có thể biết.

Trong phần tiếp từ “Bồ-tát...” trở xuống là mở rộng có ba, đó là Pháp-Dụ và Hợp.

Trong Pháp có bảy câu: 1) Phân biệt về cõi; 2) Hiểu về chúng sinh giới; 3) Hiểu về pháp giới duyên khởi; 4) Quán sát thế gian bình đẳng; 5) Phật xuất thế gian cũng như huyễn; 6) Phật nhập thế gian mà Dụng thường vắng lặng cho nên nói Nhập không hai; 7) Không mất đi lợi ích chúng sinh cho nên nói là sinh ra trú trì.

Trong Dụ: 1) Dụ về chúng sinh giới phía trên; 2) Từ “Phi thọ...” trở xuống là dụ về cõi...; 3) Từ “Phi trú...” trở xuống là dụ về thế gian; 4) Từ “Phi định...” trở xuống là bao gồm dụ về những môn khác; 5) Từ “Chủng chủng...” trở xuống là kết luận về Thể của pháp huyễn ảo, nghĩa là các loại không phải huyễn ảo là kết luận về huyễn ảo không có, bao nhiêu huyễn ảo không phải các loại là kết luận về bấy nhiêu không phải huyễn ảo, vì vậy Thể của huyễn ảo không phải là tất cả. Nhưng bởi vì huyễn ảo cho nên nêu rõ các sắc, là đã không phải vật mà hiện rõ vật, rõ ràng vật là vật mà không có vật.

Trong Hợp: 1) Tổng quát. 2) Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt phân rõ về chín loại, bởi vì hiển bày tất cả thế gian trong tổng quát, có thể biết.

Trong phần sau từ “Bồ-tát...” trở xuống là thành tựu hành của Nhẫn, có hai: Một, Chánh quán phù hợp với pháp; Hai, Từ “Xuất sinh...” trở xuống là trình bày về khởi lên nghiệp dụng.

Trong phần một có tám: 1) Dựa theo chúng sinh giới, tức là nghiệp-phiền não thế gian, không khởi lên là không dấy lên có hiểu biết, không hủy hoại là không dấy lên không có hiểu biết; lại từ xưa đến nay không khởi lên cũng không có gì đáng hủy hoại, sau đều dựa theo đây. 2) Dựa theo cõi Phật thế gian. 3) Dựa theo pháp thế gian. 4) Dựa theo ba đời thế gian. 5) Không quán sát Bồ-đề... cũng dựa theo pháp thế gian. 6) Phật xuất thế... là dựa theo thế gian Thành-Hoại, nghĩa là Phật xuất thế là Thành, nhập Niết-bàn gọi là Hoại. 7) Không trú vào Đại nguyện... là dựa theo hành thế gian, nghĩa là không trú vào Đại nguyện là hạnh thuộc Đại Trí, không giữ lấy thanh tịnh... là hạnh thuộc Đại Bi. 8) Không có vượt ra-không có đắm vào là dựa theo thế gian lưu chuyển, nghĩa là không rời bỏ cho nên không vượt ra, ở trong đó mà không đắm vào.

Trong phần hai từ “Xuất sinh...” trở xuống là trình bày về nghiệp:

1) Dựa theo cõi để hiển bày về Dụng, mà chắc chắn nhận biết về Thể

là Chân. 2) Dựa theo chúng sinh giới. 3) Pháp giới. 4) Ba đời thế gian. 5) Sinh ra Ấm... là trình bày về thế gian lưu chuyển, Dụng mà luôn luôn vắng lặng. 6) Độ thoát... là trình bày về Dụng của hành thế gian. 7) Nhận biết tất cả... là trình bày về Dụng của pháp thế gian. 8) Không đắm vào giáo hóa... 9) Bởi vì chúng sinh... 10) Nói về quá khứ... đều là trình bày về Dụng của Phật xuất thế, đều vốn là hạnh thuộc về Lý-Sự vô ngại.

Thứ năm: Như viêm Nhãn. Trong giải thích có bốn:

Một: Tổng quát trình bày về những thí dụ, trong Nhiếp Luận của Vô Tánh dụ cho Khí thế gian, Lương Luận dụ cho cảnh đã duyên vào, kinh này ở văn sau dụ cho Tướng uẩn, văn này dụ cho tất cả các pháp.

Hai: Nghĩa tách biệt, hơi nóng có năm nghĩa: 1) Mặt đất bằng phẳng; 2) Hơi nóng mặt trời; 3) Hơi nóng mặt trời cùng với mặt đất hợp lại, hiện rõ hơi nóng tựa như nước; 4) Từ trước đến nay khô khan không có nước; 5) Khiến cho Nai khát nước ấy giữ lấy cho là nước. Trong pháp cũng như vậy: 1) Như Lai Tạng là mặt đất bằng phẳng; 2) Tập khí Vô minh xông ướp; 3) Tập khí xông ướp khuấy động biển tâm, dấy lên duyên khởi dựa vào pháp; 4) Y tha khởi này từ trước đến nay không có sinh; 5) Phàm ngu Tiểu thừa không hiểu biết mà chấp làm thật có.

Lại trong luận Thập Dụ có bảy nghĩa: “1) Ánh sáng mặt trời; 2) Gió làm nóng lên; 3) Bụi chuyển động; 4) Nơi cánh đồng bát ngát; 5) Trông thấy ngựa hoang; 6) Từ xa thấy tướng hơi nóng tưởng tượng cho là nước; 7) Đến gần thì không có nước.” Một là mặt trời dụ cho Kiết sử; hai là bụi bặm dụ cho các hành; ba là làn gió dụ cho ức niệm tà vạy; bốn là dụ cho cánh đồng bát ngát của Vô minh; năm là dụ cho người không có trí tuệ, nói là một tướng vì nam-vì nữ làm tên gọi khác nhau là hơi nóng; sáu là nếu cách xa Thánh pháp thì không nhận biết về Vô ngã, ở trong pháp trống rỗng sinh ra tưởng như nam-nữ... bảy là nếu gần với Thánh pháp thì nhận biết về Thật tướng của các pháp... cho đến nói rộng ra.

Ba: Những câu về có-không có... phần nhiều giống như huyền ảo trước đây, dựa theo suy nghĩ có thể hiểu.

Bốn: Trong giải thích văn: 1) Pháp; 2) Dụ; 3) Từ “Bồ-tát...” trở xuống là Hợp, nghĩa là dựa vào tâm vốn có hiện rõ không có phương hướng xứ sở, cầu pháp này ở những nơi như trong và ngoài, có và không có, Đoạn và Thường... đều không thể đạt được.

Trong phần hai từ “Quán nhất thiết...” trở xuống là thành tựu về hành của Nhãn: a) Thành tựu về hành phương tiện; b) Từ “Cụ túc...” trở

xuống là thành tựu về hành của Chứng, có thể biết.

Thứ sáu: Như mộng Nhãn. Trong giải thích đưa ra tám môn:

Một: Tổng quát trình bày về thí dụ: Nhiếp Luận của Vô Tánh nói: “Lại như trong giấc mộng, ngủ say mà khởi lên tụ tâm-tâm pháp, cuối cùng trở thành mê muội, tuy không có nghĩa về các loại cảnh như người nữ..., mà có thọ dụng cảnh giới yêu thích và không yêu thích, lúc tỉnh giấc cũng như vậy.” Lương Luận nói: “Ví như trong giấc mộng không có cảnh trần thật sự, mà cũng thấy có thọ dụng yêu-ghét; trong tánh Y tha này cũng như vậy, không có cảnh trần thật sự, mà cũng thấy có thọ dụng yêu-ghét.” Lại luận Công Đức Thí Bát Nhã nói: “Ví như trong giấc mộng, tùy theo thấy nghe trước kia phân biệt nhớ lại, huân tập mà trú vào, tuy không có tạo tác mà các loại cảnh giới rõ ràng hiện bày trước mắt; như vậy chúng sinh từ vô thủy đến nay có các phiền não-nghiệp thiện bất thiện huân tập mà trú vào, tuy không có Ngã là chủ động tạo tác mà hiện rõ sự việc như sinh tử không bờ bến...” Trong luận Bát Nhã của Thế Thân-Vô Trước đều dụ cho cảnh quá khứ không phải chứng trí mà nhận biết.

Hai: Nghĩa tách biệt: Giấc mộng có năm nghĩa: 1) Chỗ dựa, đó là tâm hiểu rõ để dụ cho Bốn thức. 2) Nguyên nhân, đó là ngủ say để dụ cho tập khí Vô minh. 3) Hiện rõ ra, đó là dựa vào trước đây để hiển bày rõ ràng về tướng sai biệt của giấc mộng, để dụ cho duyên đã khởi lên pháp. 4) Sự việc trong giấc mộng này không có mà có. 5) Khiến cho người nằm mộng chọn lấy cho là có thật.

Ba: Phân rõ về có và không có: Có bốn câu:

1) Giấc mộng là nghĩa về có bởi vì là mộng, nghĩa là ở trong giấc mộng thì mộng thấy sự việc hiện bày rõ ràng.

Hỏi: Đây đã là giấc mộng, sao có thể là có? Vả lại, điều này nếu là có giấc mộng thì thấy có lẽ ra không phải điên đảo, không phải điên đảo cho nên là tỉnh chứ không phải mộng; lại lúc tỉnh thì thấy giấc mộng không hề có gì, lẽ ra là điên đảo, là điên đảo cho nên là mộng chứ không phải tỉnh?

Đáp: Đây đã là giấc mộng, sao có thể không có, nếu như không có thì lẽ ra giống như không phải giấc mộng, cuối cùng nói ở đâu? Lại nếu không có giấc mộng này mà thấy có, thì không có điên đảo, không có điên đảo cho nên là thức chứ không phải mộng. Lại giấc mộng này có vốn là ở lúc mộng, chứ không nói là ở lúc tỉnh. Nếu không có lúc tỉnh thì thấy không hề có gì, mà không phải điên đảo, điên đảo thì không có. Mộng là do thấy điên đảo mà sự việc hiển bày rõ ràng trong mộng.

Vì vậy nhờ vào thấy giấc mộng ấy không có mới biết là có giấc mộng này.

2) Giấc mộng là nghĩa về không có bởi vì là giấc mộng, nghĩa là do hư vọng mà thấy thì tánh nhất định phải trống rỗng.

Hỏi: Nếu giấc mộng là không có thì lẽ ra giống như không phải giấc mộng, nghĩa về giấc mộng lẽ nào tồn tại?

Đáp: Cần phải giống như không phải giấc mộng thì mới là giấc mộng, bởi vì ở nơi mộng và ở nơi không phải mộng, vốn không có hai tướng.

Hỏi: Nếu như vậy thì giấc mộng sao không ở nơi không phải mộng mà thấy tướng của giấc mộng?

Đáp: Mộng là ngay bây giờ thấy ở nơi không có, vì vậy Thể của mộng này không khác với không có, nếu không như vậy thì lẽ ra không phải là mộng.

Hỏi: Mộng nếu như là không có, thì mộng lẽ ra không thấy có, không thấy có cho nên là tính chứ không phải mộng?

Đáp: Chính là do mộng mà thấy có, có không phải là có, bởi vì mộng và điều đã thấy đều không hề có gì, vì vậy nếu không phải mộng mà thấy có thì không thể nào nói là không có, nhờ vào có mộng ấy cho nên mới biết là không có.

Hỏi: Hễ nói đến pháp mộng thì tướng có mà thật sự không có, nay nói toàn bộ không có thì lẽ nào không trở thành bài báng?

Đáp: Nhưng có và không có này nhất định phải thâm nhiếp toàn bộ, bởi vì không phải hai tướng, nếu không như vậy thì bài báng đối với mộng.

3) Giấc mộng là nghĩa về cũng có-cũng không có, bởi vì là mộng, mà pháp mộng thì lý nhất định phải có đủ hai nghĩa.

Hỏi: Có đủ hai nghĩa này thì lẽ nào không trái ngược nhau, pháp trái ngược nhau thì lẽ nào không bài báng đối với mộng hay sao?

Đáp: Nửa có-nửa không có tức là trái ngược nhau, nay ở đây hoàn toàn không có của có, và hoàn toàn có của không có, hai môn cùng tồn tại mà không trái ngược nhau. Vì vậy đầy đủ có và không có thì mới chính là mộng, bởi vì là mộng cho nên không trái ngược nhau.

4) Giấc mộng là nghĩa về không phải có-không phải không có, bởi vì là mộng, hai nghĩa cùng dung hòa so sánh làm mất đi, cả hai không còn cho nên đều không phải.

Hỏi: Nếu hai nghĩa này cần phải so sánh làm mất lẫn nhau, thì vì sao trước đây nói hai nghĩa cùng tồn tại?

Đáp: Cần phải nhờ vào so sánh làm mất đi thì mới có thể cùng tồn tại. Vì vậy nếu không làm mất đi không có đến tận cùng, thì không thể là không có; nếu không làm mất đi có đến tận cùng, thì không thể là có. Vì vậy tồn tại và mất đi không ngăn ngại, cùng phai mờ tự tại mới là pháp mộng. Vì vậy kinh nói: Thế gian giống như giấc mộng, trí không đạt được có-không. Chính là nói đến nghĩa này.

Bốn: Một và khác, có hai lớp: Trong lớp thứ nhất có bốn câu: 1) Giấc mộng là một, bởi vì là một giấc mộng; 2) Giấc mộng là khác, bởi vì giấc mộng hiện bày đủ loại; 3) Giấc mộng cũng một-cũng khác, bởi vì ở trong một niệm hiện rõ nhiều kiếp... cho nên không hai mà hai; 4) Giấc mộng không phải một-không phải khác, bởi vì so sánh làm mất đi, cả hai không còn thì mới là mộng. Trong lớp thứ hai có bốn câu: 1) Giấc mộng là một, bởi vì dựa theo tâm làm chỗ dựa; 2) Giấc mộng là khác, bởi vì dựa theo ngũ say mà hiện rõ ra; 3) Giấc mộng cũng một-cũng khác, bởi vì dựa theo tướng của giấc mộng đã hiện rõ; 4) Giấc mộng không phải một-không phải khác, bởi vì dựa theo tánh của giấc mộng. Dung thông vô ngại, suy nghĩ có thể thấy. Vì vậy môn có và không có trước đây ở nơi không có làm có, trong môn một-khác này ở một nơi làm nhiều, như vậy vô ngại thì mới là pháp mộng. Vì vậy trong kinh nói: Dùng pháp môn tự tại về mộng để giáo hóa. Chính là nói đến nghĩa này.

Năm: Chân và Vọng, cũng có bốn câu:

1) Giấc mộng là chân thật bởi vì là mộng, vốn đầy đủ các nghĩa như trước đây đã nói, do Thánh trí mà nhận biết về tánh của mộng rất sâu xa.

Hỏi: Nói đến mộng là pháp hư vọng, sao có thể nhất định nói là chân thật?

Đáp: Nhận biết rõ ràng đây là pháp hư vọng, bởi vì không điên đảo cho nên là thật.

2) Giấc mộng là hư vọng, bởi vì là mộng; nếu không phải hư vọng thì không phải là mộng. Vì vậy, cũng chân thật-cũng hư vọng, không phải chân thật-không phải hư vọng, bốn câu vô ngại suy nghĩa có thể thấy. Kinh này nói: Tánh của mộng là vắng lặng. Chính là nói đến nghĩa này.

Sáu: Tự tại, cảnh hư vọng của mộng ngay trong nhau-hòa vào nhau, nơi nhiều hiện bày ít, nơi ít hiện bày nhiều, đều không có gì chướng ngại. Vì vậy vẫn trước nói: Dùng pháp môn tự tại về mộng để giáo hóa. Chính là nói đến nghĩa này.

Nhiếp luận nói: “Ở nơi mộng nói là trải qua năm dài, lúc tỉnh thì chỉ trong khoảnh khắc. Vì vậy thời gian tuy vô lượng mà thâu nhiếp ở một sát-na, duyên khởi của pháp mộng vô ngại tự tại, ngay trong nhau hòa vào nhau trùng trùng như Đế vông...” Đều dựa theo có thể biết.

Bảy: Trình bày về quán, nghĩa là quán sát các thế gian thấy đều như mộng, lấy làm Chánh quán.

Hỏi: Nếu người ở trong giấc mộng, thì nói là thật bởi vì không biết là mộng, không gọi là thấy giấc mộng; nếu người tỉnh giấc mộng thì không có tướng của giấc mộng, lại không có gì thấy, vì vậy giấc mộng này ai có thể thấy?

Đáp: Người trong giấc mộng không thấy giấc mộng, bởi vì đó là giấc mộng; người tỉnh giấc không thấy giấc mộng, bởi vì đã tỉnh giấc thì không có vật gì, nhận biết rõ ràng như vậy, vốn là người tỉnh giấc. Vì vậy nghĩa của giấc mộng là do người tỉnh giấc mà nhận biết, chứ không phải người đang trong giấc mộng. Bởi vì đạo lý này, cho nên giấc mộng là cảnh của quán sát. Kinh nói: Bồ-tát thọ trì tất cả các pháp như mộng. Chính là nói đến nghĩa này.

Hỏi: Người tỉnh giấc thấy không có mà nhận biết rõ ràng giấc mộng, người trong giấc mộng thấy có cũng nhận biết rõ ràng hay không?

Đáp: Nếu người tỉnh giấc này nhận biết rõ ràng về pháp mộng, lúc đang trong giấc mộng không có, thì gọi là nhận biết giấc mộng. Nếu nói tỉnh giấc rồi là không có, đây là tỉnh giấc không có chứ không phải là giấc mộng không có, thì không gọi là hiểu biết về giấc mộng. Vì vậy giấc mộng có-giấc mộng không có, chỉ là lúc trong giấc mộng, không phải là ở lúc tỉnh giấc. Nếu chọn lấy tỉnh giấc rồi là không có, thì đây trở lại là trong giấc mộng, không gọi là tỉnh giấc. Vì vậy trước-sau mộng và tỉnh, nói có-nói không có đều không hiểu biết về giấc mộng, suy nghĩ có thể thấy.

Tám: Trong giải thích văn, cũng có ba: Một, Một câu tổng quát nêu ra; Hai, Từ “Thí dụ...” trở xuống là riêng biệt phân rõ; Ba, Từ “Giác ngộ...” trở xuống là kết luận về nghĩa.

Trong phần một: Tất cả thế gian, nghĩa là pháp duyên khởi nhiễm-tịnh do Thức hỗn loạn mà hiện bày, cho nên nói là như mộng.

Trong phần hai là riêng biệt phân rõ, có hai: 1) Nêu ra dụ; 2) Từ “Như thị...” trở xuống là hiển bày về pháp. Lại giải thích: Cũng có thể một là quán về phương tiện cho nên nói là hiểu rõ tất cả thế gian... hai là quán về chân thật cho nên nói là giác ngộ tất cả thế gian...

Trong phần một cũng có hai: a) Trình bày về mộng có là không phải có; b) Trình bày về không phải có mà hiện rõ có.

Trong phần a có năm cặp: 1) Không phải là pháp thế gian-xuất thế gian; 2) Không phải ba cõi là dựa theo Y báo; 3) Không phải sinh tử là dựa theo Chánh báo; 4) Không phải tịnh-úế là dựa theo nhân của thế gian-xuất thế gian; 5) Không phải đực-trong là dựa theo quả của thế gian-xuất thế gian. Đều là thật không phải pháp ấy mà thị hiện pháp ấy, chính là pháp mộng.

Trong phần hai là hiển bày về pháp quán chân thật, có tám câu: 1) Tổng quát hiển bày. 2) Không hủy hoại mộng, là trình bày về tự tánh của pháp mộng này không phải tất cả, cho nên không cần hủy hoại; lại bởi vì không có thể hủy hoại; lại pháp này hiển bày không phải là thế gian cho nên không bị bốn tướng làm cho hủy hoại. 3) Không đắm vào mộng, là hiểu biết về mộng do duyên khởi cho nên lìa xa không có gì đắm vào, pháp này hiển bày không phải là lìa xa pháp thế gian cho nên không thể nào chứng được. 4) Tánh của mộng vắng lặng, là trình bày về pháp này từ xưa đến nay tự tánh vắng lặng, hiển bày vốn không phải pháp làm náo động ba cõi. 5) Mộng không có tự tánh, là trình bày về Vô tánh này không phải sinh-không phải diệt, hiển bày về không phải sinh-không phải tử trước đây. 6) Thọ trì tất cả... là kết luận về tướng của quán thành tựu, nghĩa là thường xuyên dấy lên hiểu biết này, không lìa xa tâm đầu tiên, cho nên nói là thọ trì... 7) Không hủy hoại mộng, là bởi vì không giữ lấy-không rời bỏ mộng, hiển bày không phải tịnh-úế trước đây, bởi vì không phải rời bỏ úế mà giữ lấy tịnh. 8) Không giữ lấy hư vọng, là bởi vì không phân biệt, hiển bày không phải đực-trong trước đây. Một câu sau cuối là kết luận về nghĩa... có thể biết.

Thứ bảy: Như hường Nhân. Trong giải thích đưa ra bốn môn:

Một: Tướng của Dự: Vô Tánh Giải thích rằng: “Lại như tiếng vang trong hang trống, thật sự không có âm thanh, mà khiến cho người nghe tựa như nghe ở cảnh giới của nhiều loại ngôn thuyết; ngữ nghiệp đủ loại ngôn thuyết cũng như vậy.”

Lương Luận nói: “Ví như thật sự không có Thanh trần mà biểu hiện rõ ràng có thể nghe, sự việc của ngôn thuyết cũng như vậy, thật sự không hề có gì mà biểu hiện rõ ràng có thể nghe.”

Ý kinh này có ba nghĩa: 1) Nhận biết tất cả các pháp như tiếng vang; 2) Nhận biết âm thanh của Phật như tiếng vang; 3) Có thể dùng ngôn âm như tiếng vang để mà thuyết pháp.

Hai: Nghĩa tách biệt: Tiếng vang cũng có năm nghĩa: 1) Hang

trống rỗng; 2) Có âm thanh; 3) Âm thanh dội vào hang trống liền có tiếng vang đáp lại; 4) Tiếng vang này không phải có mà có; 5) Phạm ngu Tiểu thừa nói là có.

Ba: Các câu về có-không có... đều dựa theo trước có thể biết.

Bốn: Trong giải thích văn, có bốn: 1) Nhận biết tất cả các pháp như tiếng vang, nghĩa là sinh ra... hiển bày về đức có thể nhận biết, nhận biết tất cả... là trình bày về đã nhận biết. 2) Từ “Phân biệt...” trở xuống là tổng quát nhận biết về âm thanh như tiếng vang. 3) Riêng biệt nhận biết về âm thanh của Phật như tiếng vang: Không từ bên trong... là Phật như hang trống, lia xa âm thanh vốn không thành tựu. Không phải bên trong phát ra, cơ cảm như âm thanh, lia xa hang vốn không thành tựu. Không phải bên ngoài phát ra, bởi vì cả hai cùng dựa vào nhau. Không phải bên trong-bên ngoài, bởi vì lia xa âm thanh vốn không có nghe cho nên không phải bên trong, bởi vì lia xa căn vốn không có nghe cho nên không phải bên ngoài. Không phải cả hai bởi vì cả hai không phải, do duyên khởi của Vô tánh này như tiếng vang, cho nên luôn luôn có mà không phải có; không phải có mà thuyết pháp, cho nên nói là pháp thí cũng không hủy hoại. 4) Từ “Thâm nhập...” trở xuống là trình bày về có thể dùng âm thanh như tiếng vang của mình mà thuyết pháp, cũng là thành tựu hành của Nhân mà khởi dụng tự tại, trong đó có mười câu:

1) Khéo léo học phù hợp với pháp.

2) Từ “Như Đế Thích...” trở xuống là ví dụ so sánh về Viên âm.

3) Từ “Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về khởi dụng phù hợp với tánh.

4) Từ “U vô lượng...” trở xuống là hiển bày về phạm vi giới hạn của nghiệp dụng.

5) Từ “Thọ trì...” trở xuống là thắng tiến nương vào học.

6) Từ “Xuất sinh...” trở xuống là trình bày về Diệu âm rộng lớn.

7) Từ “Phổ linh chúng sinh...” trở xuống là hiển bày về thành tựu lợi ích của nghiệp dụng.

8) Từ “Nhi âm...” trở xuống là hiển bày về quy phạm rất sâu xa của Dụng.

9) Từ “Tri âm thanh...” trở xuống là phân rõ về ngôn ngữ âm thanh nhất định.

10) Từ “Diệc bất nhiễm...” trở xuống là trình bày về có thể nhận biết tự tại.

Thứ tám: Như điện Nhân. Trong giải thích cũng có bốn:

Một: Tướng của Dụng: Luận Bát Nhã dụ cho pháp hiện hành không

tồn tại lâu dài. Luận Công Đức Thí nói: “Ví như ánh chớp vừa lóe sáng liền tắt đi, tâm cũng như vậy, sát-na nhất định diệt đi.” Lại trong luận ấy Bát Bất (Bát bất Trung đạo) ví dụ về nghĩa không rời bỏ. Trong kinh này cũng có ba: 1) Dụ cho tất cả các pháp mau chóng diệt đi như ánh chớp; 2) Dụ cho thân của Bồ-tát vô ngại như ánh chớp; 3) Dụ cho trí của Bồ-tát hiểu rõ nơi u tối như ánh chớp.

Hai: Nghĩa tách biệt, cũng có năm nghĩa: Ba nghĩa đầu như mau chóng diệt đi... nói trên; 4) Có thể ngay lúc ấy biểu hiện rõ ràng; 5) Thể không phải xa gần, mà có thể soi chiếu xa gần.

Ba: Cũng có các câu về có-không có... suy nghĩ có thể thấy.

Bốn: Trong giải thích văn có ba: Trước là Pháp, tiếp là Dụ, sau là Hợp.

Trong Pháp có hai: 1) Dựa theo hành thuộc Chỉ ngăn chặn thành tựu, có chín cặp đều lìa xa ba phạm vi, vô cùng sâu xa không có gì nương nhờ; 2) Từ “Sở hành chân thật...” trở xuống là dựa theo hành thuộc Quán biểu hiện thành tựu, cũng không thọ trì Chánh pháp lưu chuyển là đạt được Lý mà không Chứng.

Trong Dụ có bốn: 1) Ánh chớp có thể soi chiếu rõ ràng; 2) Từ “Thí như...” trở xuống là chuyển dụ, như gương treo trên tường hiện rõ hình ảnh của mặt trời, dầu-nước... cũng như vậy, vốn giống như ánh chớp lóe sáng; 3) Ánh chớp không lìa xa... là trình bày về Thể-Dụng không tách rời nhau; 4) Ánh chớp có thể soi chiếu xa... là Thể-Dụng không lường được.

Trong kết hợp với pháp có ba: 1) Kết hợp với soi chiếu hiện rõ trước đây; 2) Từ “Nhi kỳ trí...” trở xuống là kết hợp, soi chiếu xa mà không phải xa; 3) Từ “Như chủng...” trở xuống là chuyển dụ, hạt giống không có mầm rễ mà có thể sinh ra mầm rễ, nếu có thì không sinh ra; Bồ-tát cũng như vậy, không có hai mà nói hai, có thì không có hai, cho nên nói là thời gian Vô ngại. Từ “Nhược Bồ-tát...” trở xuống là Nhẫn thành tựu đức dụng, nghĩa là thân-trí vô ngại nhanh chóng như ánh chớp.

Thứ chín: Như hóa Nhẫn. Trong giải thích cũng có bốn:

Một: Tướng của Dụ: Nhiếp Luận dụ cho quả của Văn-Tư tuệ do ý nghiệp mà sinh ra tựa như có mà không phải thật, cũng dụ cho thân biến hóa của Bồ-tát. Lại luận Thập Dụ của Long Thọ nói: “Như người biến hóa ấy không có sinh, không có già, không có bệnh, không có chết, không có khổ, không có vui, khác với mọi người, bởi vì nghĩa này cho nên trống rỗng, thật sự không có. Tất cả các pháp cũng đều như vậy,

không có sinh-trú-diệt, vì vậy cho nên nói các pháp như hóa hiện.”
Rộng ra như luận ấy nói.

Hai: Nghĩa tách biệt, Hóa có bốn nghĩa: 1) Dựa vào tâm hóa hiện; 2) Hiện rõ sự hóa hiện; 3) Thật sự không có; 4) Hiện rõ nghiệp dụng. Luận Thập Dụ nói: “Giống như sự việc hóa hiện, tuy trống rỗng không có thật, mà có thể khiến cho chúng sinh buồn khổ-nóng giận-vui mừng-ngu si-mê hoặc; các pháp cũng như vậy, tuy trống rỗng không có thật, mà có thể làm cho chúng sinh khởi lên nóng giận... vì thế cho nên nói các pháp như hóa hiện.”

Ba: Cũng có các câu về dung thông, nên dựa theo suy nghĩ phân rõ.

Bốn: Trong giải thích văn, có bốn: 1) Dựa theo pháp phân rõ về hóa hiện; 2) Dựa vào dụ trình bày về hóa hiện; 3) Kết hợp với pháp hiển bày về hóa hiện; 4) Nhấn thành tựu tác dụng của hóa hiện.

Trong phần một có hai: Trước là hiển bày về pháp đã nhận biết; sau là phân rõ về pháp có thể nhận biết.

Trong phần trước: Đầu là tổng quát, từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt. Trong đó tám câu đầu là dựa theo pháp nhiệm: 1) Nghiệp từ tâm dấy khởi; 2) Hành dẫn đến tu thành tựu; 3) Cảnh vọng trống rỗng không có; 4) Diên đảo khởi lên khổ vui; 5) Tùy tiện giữ lấy tình làm có; 6) Thế gian dựa vào Chân mà có; 7) Giác quán dấy khởi ngôn ngữ; 8) Tưởng dấy khởi não hại nhau. Ba câu tiếp là trình bày về Bồ-tát hóa hiện, hai câu sau là Phật hóa hiện, tất cả đều đưa ra nhân cho nên gọi là hóa hiện. Trong đó, Vô sinh bình đẳng, bởi vì đạt được Vô sinh mới gọi là không lui sụt, vì vậy không lui sụt vốn không có Thể mà như hóa hiện.

Hỏi: Hóa hiện này là dụ cho pháp hữu vi, cũng bao gồm dụ cho vô vi hay không?

Đáp: Hoặc là chỉ dụ cho hữu vi, như trong Đại Phẩm nói.

Hỏi: Nếu tất cả các pháp như hóa hiện, thì vì sao nói Niết-bàn là một pháp không phải như hóa hiện?

Đáp: Nếu nói tất cả các pháp cho đến Niết-bàn đều như hóa hiện, thì Bồ-tát mới phát tâm sẽ kinh ngạc sợ hãi; bởi vì Bồ-tát mới phát tâm, cho nên phân biệt sinh diệt thì như hóa hiện, không sinh diệt thì không như hóa hiện. Hoặc là cũng dụ cho vô vi, như trong Thập Địa thì trí Như Hóa gọi là pháp giới hóa. Hoặc là bao gồm cả hai, như trong Đại Phẩm nói. Nếu không vì Bồ-tát mới phát tâm thì trình bày bao gồm cả hai, nhưng phá bỏ cái thấy thật có ấy khiến cho thấy được pháp thật, đâu nhất định là do những ví dụ?

Từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận về hóa hiện, thế gian là kết luận về tám câu trước, lìa xa thế gian là kết luận về năm câu sau.

Trong phần sau từ “Quyết định tri...” trở xuống là hiển bày về tướng của pháp có thể nhận biết: Đầu là pháp có thể nhận biết và pháp đã nhận biết sâu rộng trong sáng; sau từ “Cụ túc...” trở xuống là hiển bày về nhận biết tự tại vô ngại mà khởi hạnh.

Trong phần hai là dựa vào dụ có bốn mươi câu, câu đầu không từ tâm khởi lên, là bởi vì không phải từ chủng tử trong tâm sinh ra, còn lại đều có thể biết.

Trong phần ba là kết hợp với pháp, có bốn: Một, Tổng quát kết hợp với hạnh hóa hiện; Hai, Từ “Bất trước...” trở xuống là kết hợp với Thể của hạnh hóa hiện; Ba, Từ “Nhi bất xả...” trở xuống là kết hợp với Dụng của hạnh hóa hiện; Bốn, Từ “Thí như...” trở xuống là trở lại ví dụ để trình bày thuận theo không hề có gì mà kiến lập về quả của hạnh. Từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận.

Trong phần bốn từ “Phật tử nhược Bồ-tát...” trở xuống là Nhãn thành tựu tác dụng của hóa hiện, có mười câu: Một câu đầu là Nhãn thành tựu, chín câu còn lại là tác dụng của hóa hiện. Trình bày về hóa hiện có chín nghĩa hiển bày về chín loại nghiệp dụng của Bồ-tát, trong đó: Hai câu đầu là trước Pháp-sau Dụ, bảy câu sau là nêu ra Dụ để hiển bày về Pháp, dựa theo giải thích có thể biết.

Thứ mười: Như hư không Nhãn. Trong giải thích có bốn câu giống như trước:

Một: Tướng của Dụ: Luận Phật Địa dụ cho pháp giới thanh tịnh, bởi vì lìa xa tướng sai biệt. Các luận như Trung Biên... dụ cho tánh Viên thành thật. Kinh này và Đại Phẩm... dụ cho tất cả các pháp, bởi vì đều là Vô tánh. Luận Thập Dụ nói: “Giống như hư không không phải là pháp có thể thấy, bởi vì nhìn xa cho nên ánh mắt xoay chuyển thì trông thấy màu sắc; tất cả các pháp cũng lại như vậy, trống rỗng không hề có gì, bởi vì phạm phu cách xa Tuệ vô lậu, rời bỏ Thật tướng thì thấy chúng sinh như ngã-nhân-nam-nữ... mà thật sự chúng sinh này hoàn toàn không hề có gì.

Hai: Nghĩa tách biệt: Như hư không của Địa thứ tám có mười nghĩa, đầy đủ như trước đây phân rõ. Trong luận Thập Dụ có bốn lượt trở lại (Phục thứ) để giải thích: 1) Dựa theo gần không có mà xa có; 2) Dựa theo tánh tịnh gọi là niêm; 3) Dựa theo không có đầu-giữa và sau; 4) Dựa theo Thể thật sự không có vật. Giải thích rộng ra như luận ấy. Luận Phật Địa cũng có mười lượt trở lại, như luận ấy nên biết.

Trong kinh này nhiều môn, giải thích như văn có thể biết.

Ba: Cũng có các câu về lìa xa có-không có... suy nghĩ dựa theo có thể biết.

Bốn: Trong giải thích văn, có ba: 1) Trình bày về Giải của Nhẫn; 2) Từ “Phật tử như thị Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về Hạnh của Nhẫn; 3) Từ “Nhược Bồ-tát...” trở xuống là hiển bày về Đức của Nhẫn. Cũng có thể tổng hợp phân làm bốn, đó là: Một, Nêu ra; Hai, Giải thích; Ba, Kết luận; Bốn, Ca ngợi.

Ngay trong phần hai là giải thích, có hai: Trước là trình bày về pháp đã hiểu rõ, sau là hiển bày về thành tựu Nhẫn.

Trong phần trước có mười câu, dùng mười nghĩa về hư không dụ cho mười loại pháp: 1) Nghĩa về hư không vốn không có tánh giống như pháp giới; 2) Nghĩa về không dấy khởi vốn dụ cho cõi thuận theo duyên cũng không có dấy khởi; 3) Nghĩa về một vị vốn dụ cho pháp tánh không có hai; 4) Nghĩa về không có hành vốn dụ cho hành tức là không có hành; 5) Nghĩa về không có phạm vi giới hạn vốn dụ cho pháp không có phân biệt; 6) Nghĩa về không có khác nhau vốn dụ cho Phật lực như nhau; 7) Nghĩa về có khắp ba thời gian vốn dụ cho Thiền hờ vào lý tận cùng ba đời; 8) Nghĩa về lìa xa ngôn ngữ vốn dụ cho tự tướng của các pháp không thể nói được; 9) Nghĩa về vô ngại vốn dụ cho thân Phật không chướng ngại lẫn nhau, tùy theo cảm thì ứng; 10) Nghĩa về rộng khắp vốn dụ cho Thể của pháp rộng khắp.

Trong phần sau là thành tựu Nhẫn, có ba: Một, Tổng quát nêu ra tướng của Nhẫn thuộc ba nghiệp sánh bằng hư không; hai, Riêng biệt hiển bày về nghĩa hư không giống như đức của Bồ-tát. Trong đó nêu ra mười một nghĩa về hư không để hiển bày về mười một loại đức của Bồ-tát: 1) Một câu giải thích về thân như hư không. 2-3-4 là ba câu giải thích về trí thuộc Nhẫn như hư không, một câu đầu là Thể, hai câu sau là Dụng; trong đó hướng đến là nhân, thành tựu là quả. 5) Giải thích về khẩu như hư không, nghĩa là dựa vào hư không không có nơi chốn, cũng là biển rộng không có bến bờ. Cổ nhân nói: “Ngang mặt nước biển trở lên là hư không.” Lại nói: “Biển rộng tuy rộng lớn mà hư không vốn chứa đựng phạm vi của biển rộng.” 6-7 là hai câu giải thích về thân nghiệp như hư không. 8) Giải thích về khẩu nghiệp như hư không. 9) Giải thích về tâm như hư không, bởi vì tánh thanh tịnh. 10-11 là hai câu giải thích về tâm nghiệp như hư không.

Phần ba từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là nêu ra vấn đề giải thích thành tựu. Vấn đề rằng nhờ vào pháp nào mà Bồ-tát đạt được ba nghiệp như

hư không? Giải thích rằng tư duy về thiện căn của mình giống như hư không, dựa vào đây mà đạt được ba nghiệp cũng như hư không. Trong đó: Trước là nêu ra mười loại thiện căn đều như hư không, một phần là duyên khởi, phần Chân trong hai phần, một lượng là bởi vì giống như lý tánh. Sau từ “Bất vong nhất thiết...” trở xuống là mười câu trình bày về ba nghiệp đã đạt được: 1) Không quên... là ý nghiệp; 2) Đạo qua khắp nơi... là trình bày về thân nghiệp; 3) Rộng khắp mười phương... là trình bày về ý nghiệp; 4) Sinh ra... là trình bày về khẩu nghiệp.

Trong phần bốn là ca ngợi về Đức Dụng có hai mươi câu: Mười câu đầu là đạt được mười thân, mười câu sau là bao gồm ba nghiệp, mỗi một phần đều có nêu ra và giải thích. Mười thân này cùng với mười thân ở phẩm Thập Hạnh trước đây và mười thân trong phẩm Ly Thế Gian, đều có thâm nhiếp lẫn nhau, có thể biết.

Từ “Đắc hư không tế...” trở xuống là mười câu sau bao gồm ba nghiệp đều như hư không, trong đó: Đầu là một câu tổng quát hiển bày về hàm tạng. Tiếp là hai câu riêng biệt phân rõ về khẩu nghiệp. Tiếp là ba câu riêng biệt trình bày về ý nghiệp, bởi vì lìa xa tham dục, là tâm thanh tịnh cho nên cõi Phật thanh tịnh. Tiếp là ba câu riêng biệt trình bày về thân nghiệp, một là Dụng, hai là Thể, ba là Tướng, nghĩa là các căn. Sau cuối là một câu tổng quát kết luận về Trí sâu xa.

Hỏi: Bảy Dụ này sai khác thế nào?

Đáp: Năm dụ về Huyền... là dùng tựa như có để phá bỏ thật có, dụ về Như Hóa là dùng không có mà có để phá bỏ tựa như có, cuối cùng dụ về Hư Không là dùng tánh-tướng đều đoạn tuyệt để phá bỏ tất cả. Lại sáu dụ trước loại bỏ có hợp với nhiều Không, dựa vào Không thiết lập ít có; một dụ sau loại bỏ có hòa vào ít Không, dựa vào Không thiết lập nhiều có.

Hỏi: Vì sao cần phải nhiều dụ?

Đáp: Bởi vì khiến cho Lý-Trí trong sáng, bởi vì môn khác nhau hiển bày về pháp, bởi vì nghĩa lý kiên cố. Phần trường hàng, xong.

Trong phần trùng tụng có 119 tụng, phân ra mười một đoạn:

1) Có mười kệ tụng về Tùy thuận âm thanh Nhẫn, trong đó: Đầu là hai kệ tụng về nghe pháp chân thật trước đây; tiếp là một kệ tụng về không kinh ngạc...; tiếp là hai kệ tụng về tin hiểu; tiếp là hai kệ tụng về yêu thích thọ trì; sau là ba kệ tụng về thuận theo tiến vào tu tập an trú... có thể biết.

2) Từ “Thí như công đức nhân...” trở xuống có mười kệ tụng về Thuận Nhẫn: Đầu là ba kệ tụng về bắt đầu quán tùy thuận tịch tịnh...

tiếp là một kệ tụng về không trái với các pháp; tiếp là một kệ tụng về tùy thuận tiến sâu vào... tiếp là hai kệ tụng về tâm thanh tịnh thẳng thắn... sau là ba kệ tụng về tu quán bình đẳng tiến sâu vào đầy đủ.

3) Từ “Tam thập tam Thiên...” trở xuống có mười kệ tụng về Vô sinh Nhãn: Đầu là ba kệ tụng về không thấy có pháp sinh, không thấy có pháp diệt trước đây; tiếp là bốn kệ từ “Hà dĩ cố...” trở xuống có mười câu giải thích về thành tựu; sau là ba kệ tụng về kết luận ca ngợi hiển bày thù thắng.

4) Từ “Quán sát chư thế gian...” trở xuống có mười kệ tụng về Như huyễn Nhãn: Đầu là hai kệ tụng về phần nói tóm lược trước đây; tiếp là bốn kệ tụng về dụ-hợp trong phần nói mở rộng; sau là bốn kệ tụng về thành lập hạnh của Nhãn.

5) Từ “Bồ-tát Ma-ha-tát...” trở xuống có mười kệ tụng về Như viêm Nhãn: Đầu là hai kệ tụng về Pháp thuyết; tiếp là bốn kệ tụng về dựa theo Dụ hiển bày về Pháp, nghĩa là hơi nóng và nước từ Tướng sinh ra cho nên lấy làm ví dụ. Lại do Tướng cho nên có pháp mà thật ra không phải có, như hơi nóng tựa như nước mà thật ra không có nước, cho nên lấy làm ví dụ. Sau là bốn kệ tụng nêu ra Dụ và Pháp, hiển bày về Pháp rất sâu xa.

6) Từ “Bỉ năng giải thế gian...” trở xuống có mười lăm kệ tụng về Như mộng Nhãn: Đầu là hai kệ tụng về tất cả thế gian như mộng; tiếp là một kệ tụng về mộng không phải cõi Dục... tiếp là một kệ tụng về tánh của mộng vắng lặng và không đắm vào mộng; tiếp là hai kệ tụng về không hủy hoại mộng; tiếp là hai kệ tụng về mộng không có tự tánh; tiếp là bốn kệ tụng về thọ trì tất cả các pháp như mộng; sau là ba kệ tụng về không hủy hoại mộng, không hư vọng giữ lấy mộng...

7) Từ “Bồ-tát Ma-ha-tát...” trở xuống có mười bảy kệ tụng về Như hưởng Nhãn: Đầu là hai kệ tụng về nhận biết tất cả các pháp như tiếng vang; tiếp là ba kệ tụng về phân biệt các âm thanh như tiếng gọi vang dội; tiếp là ba kệ tụng về hiểu rõ âm thanh của Như Lai không từ bên trong phát ra... tiếp là hai kệ tụng về tiến vào pháp giới lìa xa hư vọng, khéo léo phát ra vô lượng âm thanh... tiếp là ba kệ tụng về âm thanh vô ngại khiến cho chúng sinh phát khởi thiện căn... sau là bốn kệ tụng về âm thanh không phải lời nói mà tùy thuận lời nói cũng không nhiễm trước...

8) Từ “Tịch tịnh...” trở xuống có hai mươi hàng kệ gồm mười kệ bảy chữ tụng về Như điện Nhãn: Đầu là hai kệ tụng về ý quán sát; tiếp là hai kệ tụng về thế gian không sinh...; tiếp là hai kệ tụng về không tùy

thế gian, lúc chuyển, không tiếp nhận Chánh pháp... cũng tụng về không hai pháp mà phân biệt hai tướng...; tiếp là hai kệ tụng về không ở trong thế gian...; tiếp là một kệ tụng về không thực hành hạnh Bồ-tát, không rời bỏ Đại nguyện...; sau là một kệ tụng về ca ngợi đức thành tựu lợi ích.

9) Từ “Tu tập thâm thâm...” trở xuống có mười kệ tụng về Như hóa Nhân: Đầu là ba kệ tụng về thực hành hạnh Bồ-tát như hóa hiện; tiếp là ba kệ tụng về nhận biết nghiệp hành của chúng sinh... và Phật Bồ-tát... đều như hóa hiện; tiếp là hai kệ tụng về nghiệp hành tùy theo thế gian; sau là hai kệ tụng về ca ngợi đức có dụng hóa hiện.

10) Hư không Nhân cũng có mười kệ: Đầu là hai kệ tụng về chúng sinh và thế gian như hư không; tiếp là hai kệ tụng về Cảnh và Trí như hư không; tiếp là hai kệ tụng về Tuệ và Pháp như hư không; tiếp là hai kệ tụng về có thể nói và đã nói như hư không; sau là hai kệ tụng về ba đời-ba nghiệp như hư không.

11) Từ “Thị danh...” trở xuống có bảy kệ tụng về kết luận ca ngợi hiển bày thù thắng: Đầu là ba kệ tụng về Tự lợi-Lợi tha tròn vẹn; tiếp là hai kệ tụng về nhân quả đầy đủ; sau là hai kệ tụng về kết luận thù thắng rộng lớn.
